

-(-)ㅁ으로써

bằng cách, thông qua

Nêu phương pháp để đạt được điều gì đó. Và nó đứng cạnh một dạng mà người học liên tục nhầm lẫn — -(-)로서, có nghĩa hoàn toàn khác.

■ Cách kết hợp

Trường hợp	Dạng	Ví dụ
Kết thúc bằng nguyên âm	-ㅁ으로써	참여하다 → 참여함으로써
Kết thúc bằng phụ âm	-음으로써	믿다 → 믿음으로써
Kết thúc bằng ㄹ	ㄹ + ㅁ	만들다 → 만듦으로써
Với danh từ	(-)로써	대화로써 해결했다
Tư cách, không phải phương tiện	(-)로서	대표로서 참석했다
Nguyên nhân, không phải phương tiện	-(-)로 인해	폭우로 인해 지연됐다

■ Khi nào dùng

Gốc nguyên âm đi với -ㅁ으로써, gốc phụ âm đi với -음으로써. Gốc ㄹ giữ ㄹ và thêm ㅁ: 만듦으로써.

Về đầu là phương pháp, về sau là kết quả: 적극적으로 참여함으로써 문제를 해결할 수 있었다. Nếu thay bằng nguyên nhân ở đây thì sai — với nguyên nhân, dạng đúng là -(-)로 인해.

Giờ là cặp nên nắm vững sớm. -(-)로써 đánh dấu phương tiện hoặc công cụ; -(-)로서 đánh dấu tư cách hoặc vai trò. 대화로써 해결했다 nghĩa là được giải quyết thông qua đối thoại; 대표로서 참석했다 nghĩa là anh ấy tham dự với tư cách người đại diện.

Văn phong là văn viết và mang tính thể chế — văn bản chính sách, báo cáo, bài phát biểu trang trọng.

■ Ví dụ trong câu

- 1

적극적으로 참여함으로써 문제를 해결할 수 있었다.
Nhờ tích cực tham gia, chúng tôi đã giải quyết được vấn đề.
- 2

규칙을 지킴으로써 사고를 예방할 수 있습니다.
Có thể phòng tránh tai nạn bằng cách tuân thủ quy định.
- 3

꾸준히 연습함으로써 실력이 향상되었다.
Kỹ năng đã tiến bộ nhờ luyện tập đều đặn.
- 4

직접 만듦으로써 원가를 낮출 수 있었습니다.
Bằng cách tự sản xuất, chúng tôi đã giảm được chi phí.
- 5

이 문제는 대화로써 해결해야 합니다.
Vấn đề này nên được giải quyết thông qua đối thoại.
- 6

자료를 투명하게 공개함으로써 의혹을 해소했다.
Bằng cách công khai dữ liệu, họ đã dập tắt những nghi ngờ.

■ So sánh với

-(-)로서

Cặp quan trọng. 로써 là phương tiện; 로서 là tư cách mà một người hành động. Chỉ khác một chữ, và khác biệt không phải chuyện văn phong.
대화로써 해결했다. (thông qua đối thoại) / 대표로서 참석했다. (với tư cách đại diện)

-(-)로 인해

인해 nêu nguyên nhân; 으으로써 nêu phương pháp dùng để đạt được. Nguyên nhân khác với công cụ.
폭우로 인해 지연됐다. (vì mưa lớn) / 대화로써 해결했다. (bằng đối thoại)

-아서/어서

-아서 nối hai hành động một cách lỏng lẻo; 으으로써 trình bày rõ hành động đầu là công cụ của hành động sau.
연습해서 늘었어요. (luyện tập rồi tiến bộ) / 연습함으로써 향상되었다. (tiến bộ nhờ luyện tập)

■ Lưu ý

- ✗ 그는 대표로써 회의에 참석했다.

○ 그는 대표로서 회의에 참석했다.

Tham dự với tư cách nào đó thì dùng 로서. 로써 sẽ có nghĩa anh ấy là công cụ được dùng để tham dự.
- ✗ 직접 만듦으로써 원가를 낮쳤습니다.

○ 직접 만듦으로써 원가를 낮쳤습니다.

Gốc ㄹ giữ ㄹ và thêm ㅁ, thành 만듦 chứ không phải 만듦음.
- ✗ 폭우가 내림으로써 행사가 취소되었다.

○ 폭우로 인해 행사가 취소되었다.

Mưa là nguyên nhân, không phải phương pháp. 으으로써 đòi hỏi một phương tiện có chủ đích.